

Số: 18 /TB - STP

Tuyên Quang, ngày 14 tháng 5 năm 2018

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề luật sư để ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý

Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý; Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý.

Sở Tư pháp thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề luật sư để ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý như sau:

1. Điều kiện đăng ký tham gia

1.1. Điều kiện chung của tổ chức

- a) Có Giấy đăng ký hoạt động theo quy định của Luật Luật sư;
- b) Có lĩnh vực đăng ký hoạt động phù hợp với lĩnh vực trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý;
- c) Có thời gian hoạt động liên tục từ đủ 02 (hai) năm trở lên (tính đến ngày 14/5/2018);
- d) Tham gia tố tụng ít nhất 10 vụ việc/năm (số liệu vụ án tham gia xét xử từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017);
- đ) Tổ chức hành nghề luật sư không bị xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động hành nghề luật sư trong vòng 02 năm (tính đến ngày 14/5/2018);
- e) Người đứng đầu tổ chức hành nghề luật sư, luật sư làm việc tại tổ chức hành nghề luật sư không vi phạm Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam; không bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động hành nghề luật sư không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

1.2. Điều kiện về cơ sở vật chất

- a) Có địa chỉ, số điện thoại, email liên hệ rõ ràng;
- b) Không thay đổi địa chỉ trụ sở trong vòng 02 năm (tính đến ngày 14/5/2018);
- c) Trang bị đầy đủ máy vi tính, máy in vi tính, bàn ghế làm việc cho các luật sư và nhân viên của tổ chức; Máy tính có kết nối mạng Internet;
- d) Có phòng riêng để tiếp người được trợ giúp pháp lý;

đ) Có tủ đựng tài liệu, tủ sách pháp luật phục vụ hoạt động của tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý.

2. Tiêu chí xét duyệt hồ sơ lựa chọn tổ chức hành nghề luật sư:

Sở Tư pháp thực hiện theo Quyết định số 87/QĐ-STP ngày 14/5/2018 của Giám đốc Sở Tư pháp ban hành quy định điều kiện, tiêu chí xét duyệt hồ sơ lựa chọn tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang.

(Có Quyết định số 87/QĐ-STP kèm theo)

3. Số lượng tổ chức hành nghề luật sư lựa chọn: Sở Tư pháp dự kiến lựa chọn 06 tổ chức.

4. Đối tượng tham gia: Tổ chức hành nghề luật sư đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang *(đủ điều kiện theo mục 1 nêu trên)*.

5. Thành phần hồ sơ gồm

- a) Giấy đề nghị tham gia lựa chọn ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý;
- b) Bản sao Giấy đăng ký hoạt động;
- c) Bản giới thiệu về tổ chức và hoạt động của tổ chức tham gia lựa chọn ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý, trong đó nêu rõ số luật sư làm việc tại tổ chức (kèm theo bản sao thẻ luật sư), vụ việc tham gia tố tụng, kinh nghiệm tham gia trợ giúp pháp lý, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực của tổ chức.

6. Thời hạn nộp hồ sơ

Thời hạn nộp hồ sơ kể từ ngày 14/5/2018 đến ngày 04/6/2018. Sở Tư pháp thực hiện ngay việc đánh giá lựa chọn khi nhận được đủ hồ sơ của các tổ chức hành nghề luật sư trên địa bàn tỉnh.

7. Địa điểm, cách thức nộp hồ sơ

Tổ chức có nguyện vọng tham gia ký hợp đồng trợ giúp pháp lý, nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính 01 bộ hồ sơ về Sở Tư pháp.

Địa chỉ: Số 501, đường 17/8 phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Để biết thêm thông tin chi tiết, xin liên hệ Phòng Bổ trợ tư pháp, Sở Tư pháp, số điện thoại 0207. 3922832 ./.

Nơi nhận:

- Cục TGPL- Bộ Tư pháp; (B/cáo)
- Giám đốc Sở;
- Lãnh đạo STP;
- Các tổ chức hành nghề luật sư;
- Website Sở Tư pháp;
- Lưu: VT - BTTP (Hành).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hà Quang Giai

Số: 87/QĐ-STP

Tuyên Quang, ngày 14 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định điều kiện, tiêu chí xét duyệt hồ sơ lựa chọn tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Hỗ trợ tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định điều kiện, tiêu chí xét duyệt hồ sơ lựa chọn tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Tổ đánh giá hồ sơ lựa chọn tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý; các phòng, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục Trợ giúp pháp lý (B/cáo);
- Lãnh đạo Sở Tư pháp;
- Tổ đánh giá hồ sơ lựa chọn tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý;
- Website Sở Tư pháp (Đăng tải);
- Lưu VT - BTTP (Hạnh).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hà Quang Giai

QUY ĐỊNH

**Điều kiện, tiêu chí xét duyệt hồ sơ lựa chọn
tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật ký
hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 87 /QĐ-STP ngày 14 tháng 5 năm 2018
của Giám đốc Sở Tư pháp)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về nguyên tắc, điều kiện, tiêu chí xét duyệt hồ sơ; thang bảng điểm đánh giá hồ sơ lựa chọn tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang.

2. Các nội dung liên quan đến việc lựa chọn các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý không được quy định tại Quy định này thì áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về luật sư; các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xét duyệt hồ sơ lựa chọn tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang.

Chương II

NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ XÉT DUYỆT HỒ SƠ LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ, TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁP LUẬT KÝ HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Điều 3. Nguyên tắc xét duyệt

1. Hồ sơ xét duyệt phải đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Trợ giúp pháp lý và Quy định này.

2. Đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan và chính xác.

3. Đảm bảo tính cạnh tranh.

Điều 4. Điều kiện đối với tổ chức hành nghề luật sư

1. Điều kiện chung của tổ chức

- a) Có Giấy đăng ký hoạt động theo quy định của Luật Luật sư;
- b) Có lĩnh vực đăng ký hoạt động phù hợp với lĩnh vực trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý;
- c) Có thời gian hoạt động liên tục từ đủ 02 (hai) năm trở lên (tính đến ngày Sở Tư pháp thông báo lựa chọn tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý);
- d) Tham gia tố tụng ít nhất 10 vụ việc/năm (số liệu vụ án xét xử năm trước);
- đ) Tổ chức hành nghề luật sư không bị xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động hành nghề luật sư trong vòng 02 năm (tính đến ngày Sở Tư pháp thông báo lựa chọn tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý);
- e) Người đứng đầu tổ chức hành nghề luật sư, luật sư làm việc tại tổ chức hành nghề luật sư không vi phạm Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam; không bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động hành nghề luật sư trong vòng 02 năm (tính đến ngày Sở Tư pháp thông báo lựa chọn tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý).

2. Điều kiện về cơ sở vật chất

- a) Có địa chỉ, số điện thoại, email liên hệ rõ ràng;
- b) Không thay đổi địa chỉ trụ sở trong vòng 02 năm (tính đến ngày Sở Tư pháp thông báo lựa chọn tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý);
- c) Trang bị đầy đủ máy vi tính, máy in vi tính, bàn ghế làm việc cho các luật sư và nhân viên của tổ chức; Máy tính có kết nối mạng Internet;
- d) Có phòng riêng để tiếp người được trợ giúp pháp lý;
- e) Có tủ đựng tài liệu, tủ sách pháp luật phục vụ hoạt động của tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý.

Điều 5. Điều kiện đối với tổ chức tư vấn pháp luật

1. Điều kiện chung của tổ chức

- a) Có Giấy đăng ký hoạt động theo quy định của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ về Tư vấn pháp luật;
- b) Có ít nhất 01 tư vấn viên pháp luật có 02 năm kinh nghiệm tư vấn pháp luật trở lên hoặc 01 luật sư làm việc thường xuyên tại tổ chức (tính đến ngày Sở Tư pháp thông báo lựa chọn tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý);

c) Có lĩnh vực đăng ký hoạt động phù hợp với lĩnh vực trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý.

d) Tư vấn pháp luật ít nhất 10 vụ việc/năm (số liệu vụ việc thực hiện năm trước).

đ) Tổ chức tư vấn pháp luật không bị xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động tư vấn pháp luật trong vòng 02 năm (tính đến ngày Sở Tư pháp thông báo lựa chọn tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý).

e) Người đứng đầu tổ chức tư vấn pháp luật, tư vấn viên pháp luật hoặc luật sư làm việc tại tổ chức không bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động tư vấn pháp luật trong vòng 02 (hai) năm (tính đến ngày Sở Tư pháp thông báo lựa chọn tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý).

2. Điều kiện về cơ sở vật chất:

a) Có địa chỉ, số điện thoại, email liên hệ rõ ràng;

b) Không thay đổi địa chỉ trụ sở trong vòng 02 năm (tính đến ngày Sở Tư pháp thông báo lựa chọn tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý);

c) Trang bị đầy đủ máy vi tính, máy in vi tính, bàn làm ghế làm việc cho các tư vấn viên và nhân viên của tổ chức; Máy tính có kết nối mạng Internet;

d) Có phòng riêng để tiếp người được trợ giúp pháp lý;

đ) Có tủ đựng tài liệu, tủ sách pháp luật phục vụ hoạt động của tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý.

Điều 6. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ

Tính hợp lệ của hồ sơ được đánh giá theo hình thức “Đạt” và “Không đạt” theo các tiêu chí:

1. Hồ sơ được đánh giá là “Đạt” khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau:

a) Nộp hồ sơ theo đúng thời hạn;

b) Hồ sơ có đầy đủ tài liệu, giấy tờ theo thông báo;

c) Đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 4 (đối với tổ chức hành nghề luật sư) hoặc Điều 5 (đối với tổ chức tư vấn pháp luật) Quy định này.

2. Hồ sơ được đánh giá là “Không đạt” khi không đáp ứng 1 trong các tiêu chí nêu tại khoản 1 Điều này.

Điều 7. Tiêu chí đánh giá, thang bảng điểm đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu trợ giúp pháp lý

1. Việc đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu trợ giúp pháp lý của tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100. Chỉ đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu trợ giúp pháp lý của tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật khi hồ sơ được đánh giá là “Đạt” theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định này.

2. Việc đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu trợ giúp pháp lý của tổ chức hành nghề luật sư được thực hiện theo thang bảng điểm quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Quy định này và căn cứ vào các tiêu chí sau:

- a) Thời gian hoạt động của tổ chức;
- b) Số lượng luật sư làm việc tại tổ chức;
- c) Kinh nghiệm hành nghề của luật sư tại tổ chức;
- d) Nguồn nhân lực của tổ chức;
- đ) Trụ sở làm việc, cơ sở vật chất.

3. Việc đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu trợ giúp pháp lý của tổ chức tư vấn pháp luật được thực hiện theo thang bảng điểm quy định tại Phụ lục 02 kèm theo Quy định này và căn cứ vào các tiêu chí sau:

- a) Thời gian hoạt động của tổ chức;
- b) Số lượng tư vấn viên và luật sư làm việc tại tổ chức;
- c) Kinh nghiệm hành nghề của tư vấn viên và luật sư tại tổ chức;
- d) Nguồn nhân lực của tổ chức;
- đ) Trụ sở làm việc, cơ sở vật chất.

Điều 8. Xác định tổ chức được lựa chọn ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý

1. Tổ chức được lựa chọn ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý phải có số điểm đánh giá cuối cùng từ 50 điểm trở lên và được lựa chọn theo thứ tự từ cao xuống thấp đến đủ số lượng dự kiến lựa chọn.

2. Trong trường hợp qua đánh giá có từ 2 tổ chức trở lên có số điểm bằng nhau thì ưu tiên lựa chọn tổ chức có số điểm tại các tiêu chí thành phần cao hơn, theo thứ tự lần lượt như sau:

- a) Số lượng luật sư, tư vấn viên làm việc tại tổ chức;
- b) Thời gian hoạt động của tổ chức;
- c) Kinh nghiệm hành nghề của tổ chức.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Tổ đánh giá hồ sơ lựa chọn tổ chức có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận Hồ sơ tham gia lựa chọn, bảo quản hồ sơ tham gia lựa chọn theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện việc đánh giá và báo cáo kết quả đánh giá trình Giám đốc Sở Tư pháp phê duyệt;

c) Thực hiện các công việc khác theo quy định của pháp luật trong quá trình đánh giá.

2. Giao Phòng Hỗ trợ tư pháp chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này; theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện và báo cáo theo quy định./.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hà Quang Giai

PHỤ LỤC 01
DÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG NHU CẦU TRỢ GIÚP PHÁP LÝ
CỦA TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 87.../QĐ-STP ngày 14/5/2018 của Giám đốc Sở Tư pháp)



STT	Tiêu chí	Điểm
1	Thời gian hoạt động của tổ chức	20 điểm
	- Hoạt động từ 2 đến 3 năm	10 điểm
	- Hoạt động trên 3 năm	20 điểm
2	Số lượng luật sư làm việc tại tổ chức	20 điểm
	- Có 01 luật sư	10 điểm
	- Từ 01 - 02 luật sư trở lên	20 điểm
3	Kinh nghiệm hành nghề của tổ chức	40 điểm
3.1	Kinh nghiệm tham gia tố tụng	10 điểm
	- Tham gia tố tụng từ 02 - 05 năm	5 điểm
	- Tham gia tố tụng từ trên 5 năm	10 điểm
3.2	Thực hiện vụ việc tham gia tố tụng	20 điểm
	- Thực hiện từ 10 đến 20 vụ việc tham gia tố tụng/năm	10 điểm
	- Thực hiện trên 20 vụ việc tham gia tố tụng/năm	20 điểm
3.3	Tuân thủ pháp luật	10 điểm
	- Bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã quá 2 năm.	5 điểm
	- Không bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực luật sư.	10 điểm
4	Nguồn nhân lực của tổ chức	10 điểm
4.1	Thường xuyên trực tại trụ sở	6 điểm
	- Có 01 luật sư hoặc nhân viên thường xuyên trực tại trụ sở	5 điểm
	- Có từ 02 luật sư hoặc nhân viên thường xuyên trực tại trụ sở trở lên	6 điểm
4.2	Nhân viên nghiệp vụ	2 điểm
	- Có nhân viên nghiệp vụ có trình độ Đại học Luật	1 điểm
	- Có nhân viên nghiệp vụ có trình độ Đại học Luật trở lên	2 điểm
4.3	Nhân viên làm công tác kế toán, văn thư, lưu trữ, đánh máy	2 điểm
	- Có 01 nhân viên	1 điểm
	- Có từ 02 nhân trở lên	2 điểm

5	Địa chỉ trụ sở làm việc, cơ sở vật chất	10 điểm
5.1	Địa chỉ trụ sở làm việc của tổ chức	3 điểm
	- Không thay đổi trong vòng 2 năm tính đến ngày (tính đến ngày Sở Tư pháp có văn bản Thông báo lựa chọn tổ chức tham gia TGPL)	3 điểm
5.2	Có Phòng riêng để tiếp người được TGPL	3 điểm
5.3	Tủ tài liệu, tủ sách pháp luật	2 điểm
	- Có tủ tài liệu, không có tủ sách pháp luật	1 điểm
	- Có từ 01 tủ tài liệu và 01 tủ sách pháp luật trở lên	2 điểm
5.4	Trang thiết bị làm việc	2 điểm
	- Trang bị máy vi tính, máy in vi tính, bàn làm ghế làm việc cho các luật sư và nhân viên của tổ chức	1 điểm
	- Trang bị đầy đủ máy vi tính, máy in vi tính, bàn làm ghế làm việc cho các luật sư và nhân viên của tổ chức, các máy tính có kết nối mạng Internet	2 điểm

PHỤ LỤC 02
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG NHU CẦU TRỢ GIÚP PHÁP LÝ
CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁP LUẬT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 87.../QĐ-STP ngày 14/5/2018 của Giám đốc Sở Tư pháp)



Stt	Tiêu chí	Điểm
1	Thời gian hoạt động của tổ chức	20 điểm
	- Hoạt động từ 2 đến 3 năm	10 điểm
	- Hoạt động trên 3 năm	20 điểm
2	Số lượng tư vấn viên pháp luật và luật sư làm việc tại tổ chức	20 điểm
	- Có 01 tư vấn viên pháp luật	10 điểm
	- Có từ 02 tư vấn viên pháp luật hoặc luật sư trở lên	20 điểm
3	Kinh nghiệm của tổ chức	40 điểm
3.1	Kinh nghiệm tư vấn pháp luật	10 điểm
	- Tư vấn pháp luật từ 02 - 05 năm	5 điểm
	- Tư vấn pháp luật trên 5 năm	10 điểm
3.2	Thực hiện vụ việc tư vấn pháp luật	20 điểm
	- Thực hiện từ 10 đến 20 vụ việc/năm	10 điểm
	- Thực hiện trên 20 vụ việc/năm	20 điểm
3.3	Tuân thủ pháp luật	10 điểm
	- Bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tư vấn pháp luật nhưng đã quá 2 năm	5 điểm
	- Không bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tư vấn pháp luật	10 điểm
4	Nguồn nhân lực của tổ chức	10 điểm
4.1	Thường xuyên trực tại trụ sở	6 điểm
	- Có 01 tư vấn viên thường xuyên tại trụ sở	5 điểm
	- Có từ 02 tư vấn viên trực thường xuyên tại trụ sở trở lên	6 điểm
4.2	Nhân viên nghiệp vụ	2 điểm
	- Có nhân viên nghiệp vụ có trình độ Đại học Luật	1 điểm
	- Có nhân viên nghiệp vụ có trình độ Đại học Luật trở lên	2 điểm
4.3	Nhân viên làm công tác kế toán, văn thư, lưu trữ, đánh máy	2 điểm
	- Có 01 nhân viên	1 điểm
	- Có từ 02 nhân viên trở lên	2 điểm

5	Địa chỉ trụ sở làm việc, cơ sở vật chất	10 điểm
5.1	Địa chỉ trụ sở làm việc của tổ chức	3 điểm
	- Không thay đổi trong vòng 2 năm tính đến ngày (tính đến ngày Sở Tư pháp có văn bản Thông báo lựa chọn tổ chức tham gia TGPL)	3 điểm
5.2	Có phòng riêng để tiếp người được TGPL	3 điểm
5.3	Tủ tài liệu, tủ sách pháp luật	2 điểm
	- Có tủ tài liệu, không có tủ sách pháp luật	1 điểm
	- Có từ 01 tủ tài liệu và 01 tủ sách pháp luật trở lên	2 điểm
5.4	Trang thiết bị làm việc	2 điểm
	- Trang bị máy vi tính, máy in vi tính, bàn làm ghế làm việc cho các luật sư và nhân viên của tổ chức	1 điểm
	- Trang bị đầy đủ máy vi tính, máy in vi tính, bàn làm ghế làm việc cho các luật sư và nhân viên của tổ chức, các máy tính có kết nối mạng Internet	2 điểm